TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN CHÂU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 26-6-2025.
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt;
2. Ông Phan Ngọc Thạch.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Quốc Việt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh *tham gia phiên toà:* Ông Lê Đại Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 129/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2025 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn B, xã A, huyện H, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ 1, ấp C, xã D, huyện E, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 10 năm 2025, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Hoàng T chung sống với nhau vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện E, tỉnh Tây Ninh. Trong thời gian chung sống thì không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T không lo làm ăn. Do đó vợ chồng sống ly thân từ năm 20217 đến nay. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Kim N1, sinh ngày 20-3-2009 và Nguyễn Hoàng Đ, sinh ngày 11-5-2016, hiện cháu N1 theo sống với anh T còn cháu Đ theo sống với chị. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi cháu Đ và đồng ý để anh T nuôi cháu N1; chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không thiếu nợ ai.

Bị đơn anh Nguyễn Hoàng T trình bày: Anh thừa nhận vợ chồng chung sống vào năm 2008, đến năm 2017 thì ly thân cho đến nay. Nay anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Kim N1, sinh ngày 20-3-2009 và Nguyễn Hoàng Đ, sinh ngày 11-5-2016, hiện cháu N1 theo sống với anh còn cháu Đ theo sống với chị N. Sau khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi cháu N1 và đồng ý giao chị N nuôi cháu Đ; anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không thiếu nợ ai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thời hạn thụ lý, giải quyết vụ án; việc cấp tống Đ văn bản pháp luật và việc tuân thủ quy định pháp luật của người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật tố Tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị N đối với anh Nguyễn Hoàng T.

Về con chung: Giao anh Nguyễn Hoàng T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Thị Kim N1, sinh ngày 20-3-2009; giao chị N trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Hoàng Đ, sinh ngày 11-5-2016. Chị N, anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung: Chị N, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị N, anh T trình bày không thiếu nợ ai.

Về án phí: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị N, anh T vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Chị N và anh T chung sống năm 2008, có đăng ký kết hôn, nên được xem là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Nay chị N xin ly hôn. Qua làm việc anh T cũng đồng ý ly hôn. Xét thấy việc thuận tình ly hôn trên là tự nguyện phù hợp theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, nên cần công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị N và anh T.

[3] Về con chung: Chị N có nguyện vọng nuôi cháu Nguyễn Hoàng Đ, sinh ngày 11-5-2016 và đồng ý giao anh T nuôi cháu Nguyễn Thị Kim N1, sinh ngày 20-3-2009. Qua làm việc anh T cũng có nguyện vọng được nuôi cháu N1 và đồng ý giao chị N nuôi cháu Đ; hiện nay cháu N1 theo sống với anh T còn cháu Đ theo sống với chị N. Qua làm việc cháu N1 có nguyện vọng theo sống với cha và cháu Đ có nguyện vọng theo sống với mẹ, nguyện vọng trên phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, nên cần ghi nhận.

[4] Về cấp dưỡng nuôi cong: Chị N và anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, nên ghi nhận.

Sau khi ly hôn chị N, anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

[5] Về tài sản chung: Chị N và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung: Chị N và anh T trình bày không thiếu nợ ai.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 2, Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

1.Về hôn nhân: Ghi nhận chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Hoàng T tự nguyện thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Hoàng Đ, sinh ngày 11-5-2016 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao con chung tên Nguyễn Thị Kim N1, sinh ngày 20-3-2009 cho anh Nguyễn Hoàng T

trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị N và anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Sau khi ly hôn chị N, anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: Ghi nhận chị Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Hoàng T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Hoàng T trình bày không thiếu nợ ai.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà chị Nguyễn Thị N đã nộp theo biên lai thu số 0003326 ngày 17/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; chị N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Báo cho chị N, anh T biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã nơi chị N, anh T cư trú.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh (Phòng KT-NV);
- VKSND huyện E;
- CC THADS huyện E;
- UBND xã D;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Minh Tuấn